

+ Hợp đồng tín dụng số 937/2016-HĐTD/NHCT500 ngày 21/7/2016, số tiền cho vay 500.000.000 đồng (*Năm trăm triệu đồng*), thời hạn cho vay: 12 tháng (từ ngày 21/7/2016 đến ngày 21/7/2017), mục đích vay vốn: Trồng mới, chăm sóc tiêu. Dư nợ gốc đến ngày khởi kiện: 500.000.000 đồng (*Năm trăm triệu đồng*).

+ Hợp đồng tín dụng số 1251/2016-HĐTD/NHCT500 ngày 03/10/2016, số tiền cho vay: 150.000.000 đồng (*Một trăm năm mươi triệu đồng*), thời hạn vay: 10 tháng (từ ngày 04/10/2016 đến ngày 04/8/2017), Mục đích vay vốn: Trồng mới, chăm sóc tiêu. Dư nợ gốc đến ngày khởi kiện: 150.000.000 đồng (*Một trăm năm mươi triệu đồng*).

Tuy nhiên, đến thời hạn trả lãi vay kỳ lãi tháng 5/2017 của hai hợp đồng tín dụng trên thì bà D không trả được lãi, do đó toàn bộ khoản nợ tại hai Hợp đồng tín dụng trên giữa Ngân hàng và bà Phạm Thị D đã bị quá hạn theo quy chế cho vay của Ngân hàng. Ngày 22/5/2017, toàn bộ số tiền vay của bà Phạm Thị D đã chuyển sang nợ quá hạn.

Do đó, Ngân hàng đề nghị Tòa án nhân dân huyện C giải quyết buộc bà Phạm Thị D và ông Nguyễn Anh T1 trả số tiền nợ gốc 650.000.000 đồng (*sáu trăm năm mươi triệu đồng*) và tiền lãi trong hạn tính từ ngày 21/4/2017 đến ngày 01/6/2017 là 7.791.111 đồng, tiền lãi quá hạn từ ngày 02/6/2017 đến ngày 06/9/2018 là 134.842.500 đồng. Tổng tiền lãi tính đến ngày 06/9/2018 là 142.633.611 đồng. Tổng cộng cả gốc và lãi là 792.633.611 đồng (*Bảy trăm chín mươi hai triệu sáu trăm ba mươi ba ngàn sáu trăm mười một đồng*) và tiền lãi phát sinh đến ngày thu hồi nợ. Trường hợp khách hàng là bà D không trả nợ, Ngân hàng có quyền yêu cầu thi hành án phát mãi tài sản đảm bảo theo các hợp đồng thế chấp mà bà Phạm Thị D và ông Nguyễn Anh T1 đã ký dưới đây:

+ Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 879/HĐTC ngày 27/7/2015 gồm:

* Giá trị quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 69, tờ bản đồ số 68, diện tích 11077m² đất trồng cây lâu năm tại thôn P, xã I, huyện C, tỉnh G theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CA 859502 do Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh G cấp ngày 03/7/2015 cho ông Nguyễn Anh T và bà Phạm Thị D.

* Giá trị quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 247, tờ bản đồ số 28, diện tích 5510m², trong đó: đất ở diện tích 200m², đất tiêu diện tích 5310m², tại xã II, huyện C1 (nay là xã I, huyện C), tỉnh Gia Lai theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T 629697 do Ủy ban nhân dân huyện C1, tỉnh G cấp ngày 07/5/2001 cho Hộ ông Nguyễn Anh T1.

+ Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 1251/HĐTC ngày 30/9/2016 gồm: Giá trị quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 78+166+167, tờ bản đồ số 68, tổng diện tích đất 11201m² đất trồng cây hàng năm khác tại thôn P, xã I, huyện C, tỉnh G theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số

CĐ 608521 do Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh G cấp ngày 19/8/2016 cho ông Nguyễn Anh T1 và bà Phạm Thị D.

- Bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được triệu tập nhiều lần nhưng vắng mặt không tham gia tố tụng và không có lời khai

* Tại Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 19/2018/KDTM-ST ngày 06/9/2018, Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh G quyết định:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 280, 466 và 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam. Buộc bà Phạm Thị D và ông Nguyễn Anh T1 phải trả cho Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam gồm tiền gốc 650.000.000 đồng (sáu trăm năm mươi triệu đồng) và tiền lãi trong hạn tính từ ngày 21/4/2017 đến ngày 01/6/2017 là 7.791.111 đồng, tiền lãi quá hạn từ ngày 02/6/2017 đến ngày 06/9/2018 là 134.842.500 đồng. Tổng tiền lãi tính đến ngày 06/9/2018 là 142.633.611 đồng. Tổng: 792.633.611 đồng (Bảy trăm chín mươi hai triệu sáu trăm ba mươi ba ngàn sáu trăm mười một đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, khách hàng vay còn phải chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí; thông báo quyền thỏa thuận, quyền yêu cầu, tự nguyện hoặc bị cưỡng chế thi hành án, thời hiệu thi hành án; công bố quyền kháng cáo.

- Ngày 07/10/2021, Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng nhận được Công văn số 1219/CV-CCTHA ngày 27/9/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh G, kiến nghị xem xét theo thủ tục giám đốc thẩm đối với bản án sơ thẩm nêu trên, lý do: Tài sản thế chấp tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T 629697 do Ủy ban nhân dân huyện C1, tỉnh G cấp ngày 07/5/2001 cho Hộ ông Nguyễn Anh T1, đây là tài sản cấp cho Hộ gia đình nhưng khi thế chấp tài sản không có ủy quyền hay ý kiến của các đồng sở hữu còn lại. Tòa án không tiến hành xác minh thành viên hộ gia đình để xác định phần sở hữu tài sản.

- Tại Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 34/QĐKNGĐT-VC2-KDTM ngày 06/5/2022, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử giám đốc thẩm, hủy Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 19/2018/KDTM-ST ngày 06/9/2018

của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh G; giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh G xét xử lại, lý do: *Việc Tòa án cấp sơ thẩm không tuyên về phần xử lý tài sản thế chấp để ngân hàng thu hồi nợ là ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền, lợi ích chính đáng của Ngân hàng; không giải quyết hết các yêu cầu khởi kiện, vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, dẫn đến bản án sơ thẩm đến nay chưa thi hành án được.*

- Tại phiên tòa giám đốc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị Hội đồng xét xử giám đốc thẩm chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về yêu cầu khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 31/10/2017, bản tự khai ngày 27/11/2017 nguyên đơn trình bày và yêu cầu: Ngân hàng Thương mại cổ phần Công thương Việt Nam và bà Phạm Thị D ký các Hợp đồng tín dụng số 937/2016-HĐTD/NHCT500 ngày 21/7/2010 và Hợp đồng tín dụng số 1251/2016/HĐTD/NHCT500 ngày 03/10/2016, tổng số cho bà D tiền vay là 650.000.000 đồng. Do bà D vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân huyện C giải quyết buộc bà Phạm Thị D và ông Nguyễn Anh T1 trả số tiền nợ gốc 650.000.000 đồng (*sáu trăm năm mươi triệu đồng*) và tiền lãi trong hạn tính từ ngày 21/4/2017 đến ngày 01/6/2017 là 7.791.111 đồng, tiền lãi quá hạn từ ngày 02/6/2017 đến ngày 06/9/2018 là 134.842.500 đồng. Tổng tiền lãi tính đến ngày 06/9/2018 là 142.633.611 đồng. Tổng cộng cả gốc và lãi là 792.633.611 đồng (*Bảy trăm chín mươi hai triệu sáu trăm ba mươi ba ngàn sáu trăm mười một đồng*) và tiền lãi phát sinh đến ngày thu hồi nợ. **Trường hợp khách hàng (là bà D) không trả nợ được nợ, Ngân hàng có quyền yêu cầu thi hành án phát mãi tài sản đảm bảo để thu hồi nợ cho Ngân hàng** (theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 879/HĐTC ngày 27/7/2015 và Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 1251/HĐTC ngày 30/9/2016). Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Với yêu cầu nêu trên, tại bản án sơ thẩm lưu trong hồ sơ vụ án (bản án gốc, bản án sao; bl 138-146) thể hiện tại phần nhận định:....*nên HĐXX chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng phần quyết định: Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam.*

1. Buộc bà Phạm Thị D và ông Nguyễn Anh T1 phải trả cho Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam gồm tiền gốc 650.000.000 đồng (*sáu trăm năm mươi triệu đồng*) và tiền lãi trong hạn tính từ ngày 21/4/2017 đến ngày 01/6/2017 là 7.791.111 đồng, tiền lãi quá hạn từ ngày 02/6/2017 đến ngày 06/9/2018 là 134.842.500 đồng. Tổng tiền lãi tính đến ngày 06/9/2018 là 142.633.611 đồng. Tổng: 792.633.611 đồng (*Bảy trăm chín mươi hai triệu sáu trăm ba mươi ba ngàn sáu trăm mười một đồng*); không đề cập Tuyên xử về phần yêu cầu xử lý tài sản thế chấp.

2. Về án phí:.....

Tại *Biên bản nghị án* ngày 06/9/2018 (bl 136), Hội đồng xét xử cũng không đề cập về phần yêu cầu xử lý tài sản thế chấp.

Tuy nhiên, tại Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 19/2018/KDTM-ST ngày 06/9/2018 của Tòa án nhân dân huyện C do Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh G cung cấp (có đóng dấu sao y) tại phần quyết định của bản án có thêm nội dung: ... “2. Trong trường hợp bà Phạm Thị D và ông Nguyễn Anh T1 không thanh toán dứt điểm số nợ trên cho Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh G phát mãi đối với tài sản mà ông T1, bà D đã thế chấp là: Bất động sản tọa lạc tại xã II, huyện C1, tỉnh G theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T 629697 do Ủy ban nhân dân huyện C1, tỉnh G cấp ngày 07/5/2001; Bất động sản tọa lạc tại thôn P, xã I, huyện C, tỉnh G theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CA 859502 do Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh G cấp ngày 03/7/2015 Chi tiết tài sản theo Hợp đồng thế chấp số 879/HĐTC ngày 27/7/2015; Bất động sản tọa lạc tại thôn P, xã I, huyện C, tỉnh G theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CD 608521 do Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh G cấp ngày 19/8/2016, Chi tiết tài sản theo Hợp đồng thế chấp số 1251/HĐTC ngày 30/9/2016 để thu hồi nợ.

Như vậy, trong cùng một vụ án mà Thẩm phán chủ tọa phiên tòa thay mặt hội đồng xét xử ban hành bản án gửi cơ quan Thi hành án không đúng với bản án gốc lưu tại hồ sơ vụ án và *Biên bản nghị án* ngày 06/9/2018 là trái pháp luật.

Đồng thời, Ngân hàng khởi kiện Tranh chấp hợp đồng tín dụng, chủ thể khởi kiện là pháp nhân có đăng ký kinh doanh, khởi kiện bà D là cá nhân không có đăng ký kinh doanh nhưng Tòa án nhân dân huyện C lại xác định đây là vụ án kinh doanh thương mại là không đúng quy định tại Điều 30 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Với vi phạm nêu trên, xét thấy Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 34/QĐKNGĐT-VC2-KDTM ngày 06/5/2022 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng là có cơ sở nên được chấp nhận.

[2] Đối với kiến nghị của cơ quan Thi hành án về tài sản thế chấp cấp cho Hộ gia đình sẽ được xem xét khi giải quyết lại vụ án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 337; khoản 3 Điều 343, Điều 345 và Điều 349 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

1. Hủy Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 19/2018/KDTM-ST ngày 06/9/2018 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh G về “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”, giữa nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần Công thương Việt Nam với bị đơn bà Phạm Thị D; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Anh T1, anh Nguyễn Phúc T2, anh Nguyễn Thanh T3.

2. Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh G để xét xử lại theo thủ tục sơ thẩm.

3. Quyết định giám đốc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày Hội đồng giám đốc thẩm ra quyết định.

Nơi nhận:

- TAND huyện C, tỉnh G (02 bản kèm theo hồ sơ vụ án để xét xử lại);
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- Vụ PC và Quản lý khoa học - TANDTC;
- Chi cục THADS huyện C, tỉnh G;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: Phòng Lưu trữ; Phòng GDKT về DS-LĐ-KDTM và hồ sơ vụ án.

**TM. ỦY BAN THẨM PHÁN
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Tào

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Tiến

Nguyễn Cường

Nguyễn Văn Tào

